

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục
“Cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo tại nhà ga hành khách T3 –
Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất

GIÁM ĐỐC CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

Căn cứ Quyết định số 448/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc ban hành Quy chế quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ phi hàng không của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Công văn số 4480/TCTCHKVN-KDPTTT ngày 25/10/2024 của Ban Kinh doanh phát triển thị trường về việc triển khai Nghị quyết số 470/NQ-HĐQT ngày 22/10/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-HĐQT ngày 30/06/2025 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt quy hoạch mặt bằng quảng cáo điều chỉnh, bổ sung tại Nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-HĐQT ngày 23/10/2024 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt phương án giá tối thiểu các dịch vụ, vị trí, mặt bằng kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại Nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 3153/QĐ-HĐQT ngày 09/07/2025 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt phương án giá tối thiểu các vị trí, mặt bằng bổ sung, điều chỉnh tại Nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 4016/QĐ-CHKQTTSN ngày 24/07/2025 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc kiện toàn nhân sự Tổ chuyên gia lựa chọn đơn vị thuê mặt bằng/vị trí quảng cáo - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 5136/QĐ-CHKQTTSN ngày 22/09/2025 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc kiện toàn nhân sự Tổ thẩm định lựa chọn đơn vị hợp tác kinh doanh, hợp tác khai thác, thuê mặt bằng, thuê mặt bằng/vị trí quảng cáo - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Tờ trình số 1-1/TTr-TCG ngày 25 / 9 /2025 về việc Trình duyệt kế hoạch

lựa chọn đối tác hạng mục “Cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo tại nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”,

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 2-1/BC-TTĐ ngày 26 / 9 /2025 của Tổ thẩm định về việc Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo tại nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo tại nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất” với nội dung sau:

- 1. Tên hạng mục:** Cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo tại nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
- 2. Bên mời hợp tác:** Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

3. Thông tin về địa điểm, vị trí mặt bằng quảng cáo

- Địa điểm: Khu vực nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
- Vị trí mặt bằng:

TIA tổ chức lựa chọn đối tác cho **140 (một trăm bốn mươi)** vị trí mặt bằng quảng cáo tại nhà ga hành khách T3. Các vị trí mặt bằng quảng cáo liền kề, cùng khu vực được gộp lại và phân chia thành các gói với quy mô về diện tích theo **Bảng kê chi tiết số 1** đính kèm.

- Bản vẽ bố trí vị trí mặt bằng quảng cáo đính kèm HSMTG.
- ❖ Diện tích quảng cáo có thể thay đổi theo thực tế khai thác căn cứ trên Biên bản tiếp nhận vị trí mặt bằng quảng cáo/Biên bản nghiệm thu lắp đặt quảng cáo.

4. Phương án cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo

4.1 Phần tham gia của các bên

a. TIA

Quyền khai thác mặt bằng được quy hoạch làm dịch vụ quảng cáo tại nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.

b. Đối tác

Đầu tư cơ sở vật chất và vận hành quảng cáo, bao gồm các công việc: thiết kế, thi công, lắp đặt bảng quảng cáo; vận hành, khai thác; cải tạo, sửa chữa bảng quảng cáo để cung cấp dịch vụ theo tiêu chuẩn qui định.

31163
C
ANG KH
TAN S
INH HANH
CANG H
VIET
H PH

$$[\mathbf{Mt}] = [\mathbf{Dg}] \times [\mathbf{Dt}]$$

- Mt: Mức thu cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo;
- Đg: Đơn giá cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo;
- Dt: Diện tích vị trí mặt bằng cho thuê quảng cáo hoặc đối tượng xác định để tính mức thu (chưa bao gồm thuế GTGT).

TIA mời các đơn vị tham gia lựa chọn với đơn giá cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo tối thiểu cho từng vị trí mặt bằng theo **Bảng kê chi tiết số 2** đính kèm HSMTG.

- ❖ Đơn giá thuê chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí sử dụng điện, chi phí thi công, lắp đặt, cấp nguồn điện và các chi phí khác (nếu có).

Thời gian thực hiện hợp đồng: **03 (ba)** năm kể từ ngày ký Biên bản Xác nhận nghiệm thu vị trí mặt bằng quảng cáo đưa vào khai thác.

6.1 Nguyên tắc tổ chức lựa chọn đối tác:

- Các đơn vị được tùy chọn tham gia hợp tác các vị trí mặt bằng quảng cáo, phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của đơn vị;
- Đảm bảo cạnh tranh, hướng đến hiệu quả kinh doanh.

6.3 Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn đối tác: tháng 10/2025.

6.5 Phạm vi tham gia lựa chọn:

- Số lượng vị trí mặt bằng quảng cáo đơn vị được tham gia: không hạn chế.
- Số lượng vị trí đơn vị bắt buộc phải tham gia theo gói:
 - + 06 vị trí (mã vị trí từ DP06 đến mã vị trí DP10) - 1 gói;
 - + 04 vị trí (mã vị trí từ DP11 đến mã vị trí DP14) - 1 gói;
 - + 20 vị trí (mã vị trí từ DDP01 đến mã vị trí DDP20) - 1 gói;
 - + 13 vị trí (mã vị trí từ DAP01 đến mã vị trí DAP13) - 1 gói;
 - + 10 vị trí (mã vị trí từ DAP14 đến mã vị trí DAP23) - 1 gói;
 - + 08 vị trí (mã vị trí từ DAP24 đến mã vị trí DAP31) - 1 gói;
 - + 11 vị trí (mã vị trí từ DPB01 đến mã vị trí DPB11) - 1 gói.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

Đơn vị thực hiện: Phòng Kinh doanh phối hợp phòng Tài chính – Kế toán, Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, phòng An toàn - Kiểm soát chất lượng thực hiện.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định, các Ông/Bà thủ trưởng phòng Kinh doanh, phòng Tài chính-Kế toán, Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, Phòng An toàn - Kiểm soát chất lượng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ nội dung trên triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng trình tự, thủ tục và quy định hiện hành của Nhà nước, Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam - CTCP./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- P.KD;
- Lưu: VT/

GIÁM ĐỐC**Đặng Ngọc Cương**

BẢNG KẾ CHI TIẾT SỐ 1
QUY MÔ VỀ KHU VỰC, VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH, HÌNH THỨC QUẢNG CÁO

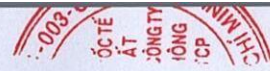
STT	Mã vị trí	Thuyết minh vị trí	Hình thức quảng cáo	Số lượng (bảng)	Kích thước			Tổng cộng diện tích/bảng (m2)	Cao độ đáy bảng (m)	Phạm vi tham gia lựa chọn	
					Dài (m)	Cao (m)	Số mặt				
I		Khu vực sân đậu ô tô		17				1.258,92			
1	1	DP01	Khu vực lối vào sân đậu ô tô	Trụ màn hình Led 3 mặt	1	13,00	6,00	3	234,00	+13,00	
2	2	DP02	Khu vực lối vào sân đậu ô tô	Trụ màn hình Led 2 mặt	1	13,00	6,00	2	156,00	+13,00	
3	3	DP03	Khu vực lối vào sân đậu ô tô	Trụ màn hình Led 2 mặt	1	13,00	6,00	2	156,00	+13,00	
4	4	DP04	Khu vực lối vào sân đậu ô tô	Trụ màn hình Led 2 mặt	1	13,00	6,00	2	156,00	+13,00	
5	5	DP05	Khu vực hình tròn giữa tiểu cảnh sân đậu ô tô	Trụ tròn màn hình Led	1	18,84	13,00	1	244,92	+10,00	
6	6	DP06	Khu vực bên trái sân đậu ô tô giáp vòng xoay giao thông hình tròn	Trụ màn hình Led	1	2,00	4,00	1	8,00	+1,00	1 Gói
7	7	DP07	Khu vực bên trái sân đậu ô tô giáp vòng xoay giao thông hình tròn	Trụ màn hình Led	1	2,00	4,00	1	8,00	+1,00	
8	8	DP08	Khu vực bên trái sân đậu ô tô giáp vòng xoay giao thông hình tròn	Trụ màn hình Led	1	2,00	4,00	1	8,00	+1,00	
9	9	DP09	Khu vực bên trái sân đậu ô tô giáp vòng xoay giao thông hình tròn	Trụ màn hình Led	1	2,00	4,00	1	8,00	+1,00	
10	10	DP10	Khu vực bên trái sân đậu ô tô giáp vòng xoay giao thông hình tròn	Trụ màn hình Led	1	2,00	4,00	1	8,00	+1,00	
11	11	DP11	Khu vực bên phải sân đậu ô tô giáp vòng xoay giao thông hình tròn	Trụ màn hình Led	1	2,00	4,00	1	8,00	+1,00	1 Gói
12	12	DP12	Khu vực bên phải sân đậu ô tô giáp vòng xoay giao thông hình tròn	Trụ màn hình Led	1	2,00	4,00	1	8,00	+1,00	
13	13	DP13	Khu vực bên phải sân đậu ô tô giáp vòng xoay giao thông hình tròn	Trụ màn hình Led	1	2,00	4,00	1	8,00	+1,00	
14	14	DP14	Khu vực bên phải sân đậu ô tô giáp vòng xoay giao thông hình tròn	Trụ màn hình Led	1	2,00	4,00	1	8,00	+1,00	
15	15	DP15-1	Lối ra, trên nóc trạm thu phí	Trụ màn hình Led	1	20,00	4,00	1	80,00	+8,00	
16	16	DP15-2	Lối ra, trên nóc trạm thu phí	Trụ màn hình Led	1	20,00	4,00	1	80,00	+8,00	
17	17	DP15-3	Lối ra, trên nóc trạm thu phí	Trụ màn hình Led	1	20,00	4,00	1	80,00	+8,00	
II		Khu vực ga đi tầng 3, sảnh công cộng bên ngoài		20				85,41			
18	1	DDP01	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	Màn hình Led ốp cột tròn	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	1 Gói
19	2	DDP02	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	Màn hình Led ốp cột tròn	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	
20	3	DDP03	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	Màn hình Led ốp cột tròn	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	
21	4	DDP04	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	Màn hình Led ốp cột tròn	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	
22	5	DDP05	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	Màn hình Led ốp cột tròn	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	
23	6	DDP06	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	Màn hình Led ốp cột tròn	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	
24	7	DDP07	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	Màn hình Led ốp cột tròn	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	
25	8	DDP08	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	Màn hình Led ốp cột tròn	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	
26	9	DDP09	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	Màn hình Led ốp cột tròn	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	
27	10	DDP10	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	Màn hình Led ốp cột tròn	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	
28	11	DDP11	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	Màn hình Led ốp cột tròn	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	
29	12	DDP12	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	Màn hình Led ốp cột tròn	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	
30	13	DDP13	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	Màn hình Led ốp cột tròn	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	
31	14	DDP14	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	Màn hình Led ốp cột tròn	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	
32	15	DDP15	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	Màn hình Led ốp cột tròn	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	
33	16	DDP16	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	Màn hình Led ốp cột tròn	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	
34	17	DDP17	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	Màn hình Led ốp cột tròn	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	



STT		Mã vị trí	Thuyết minh vị trí	Hình thức quảng cáo	Số lượng (bảng)	Kích thước			Tổng diện tích/bảng (m2)	Cao độ đáy bảng (m)	Phạm vi tham gia lựa chọn
						Dài (m)	Cao (m)	Số mặt			
35	18	DDP18	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	Màn hình Led ốp cột tròn	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	
36	19	DDP19	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	Màn hình Led ốp cột tròn	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	
37	20	DDP20	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	Màn hình Led ốp cột tròn	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	
III		Khu vực ga đi tầng 3, sảnh làm thủ tục			10				624,00		
38	1	DDC10	Khu vực vách kính trước lối đi ANSC cho hành khách CIP	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	12,00	5,00	1	60,00	+6,00	
39	2	DDC11	Khu vực vách kính trước lối đi ANSC cho hành khách phổ thông	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	24,00	5,00	1	120,00	+6,00	
40	3	DDC12	Khu vực vách kính trước lối đi ANSC cho hành khách phổ thông	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	24,00	5,00	1	120,00	+6,00	
41	4	DDC13	Trên nóc quầy làm thủ tục từ quầy 08 - quầy 26	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	14,00	3,00	1	42,00	+6,00	
42	5	DDC14	Trên nóc quầy làm thủ tục từ quầy 27 - quầy 40	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	14,00	3,00	1	42,00	+6,00	
43	6	DDC15	Trên nóc quầy làm thủ tục từ quầy 41 - quầy 56	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	14,00	3,00	1	42,00	+6,00	
44	7	DDC16	Trên nóc quầy làm thủ tục từ quầy 57 - quầy 72	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	14,00	3,00	1	42,00	+6,00	
45	8	DDC17	Trên nóc quầy làm thủ tục từ quầy 73 - quầy 87	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	14,00	3,00	1	42,00	+6,00	
46	9	DDC18	Trên nóc quầy làm thủ tục từ quầy 88 - quầy 99	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	14,00	3,00	1	42,00	+6,00	
47	10	DDC21	Khu vực vách kính cánh trái	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	12,00	6,00	1	72,00	+10,00	
IV		Khu vực cách ly sau ANSC tầng 3			11				353,00		
48	1	DDQ01	Khu vực ramp dốc phòng chờ tầng 3	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	9,00	3,00	1	27,00	+1,50	
49	2	DDQ02	Khu vực ramp dốc phòng chờ tầng 3	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	9,00	3,00	1	27,00	+1,50	
50	3	DDQ03	Khu vực ramp dốc phòng chờ tầng 3	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	9,00	3,00	1	27,00	+1,50	
51	4	DDQ04	Khu vực ramp dốc phòng chờ tầng 3	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	9,00	3,00	1	27,00	+1,50	
52	5	DDQ05	Khu vực sau quầy boarding gate	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	3,50	1	35,00	+3,00	
53	6	DDQ06	Khu vực sau quầy boarding gate	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	3,50	1	35,00	+3,00	
54	7	DDQ07	Khu vực sau quầy boarding gate	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	3,50	1	35,00	+3,00	
55	8	DDQ08	Khu vực sau quầy boarding gate	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	3,50	1	35,00	+3,00	
56	9	DDQ09	Khu vực sau quầy boarding gate	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	3,50	1	35,00	+3,00	
57	10	DDQ10	Khu vực sau quầy boarding gate	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	3,50	1	35,00	+3,00	
58	11	DDQ11	Khu vực sau quầy boarding gate	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	3,50	1	35,00	+3,00	
V		Khu vực cách ly ga đến, tầng 2			40				1.185,60		
59	1	DAQ01	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	2,80	1	28,00	+0,30	
60	2	DAQ02	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	2,80	1	28,00	+0,30	
61	3	DAQ03	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	2,80	1	28,00	+0,30	
62	4	DAQ04	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	2,80	1	28,00	+0,30	
63	5	DAQ05	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	2,80	1	28,00	+0,30	
64	6	DAQ06	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	2,80	1	28,00	+0,30	

STT	Mã vị trí	Thuyết minh vị trí	Hình thức quảng cáo	Số lượng (bảng)	Kích thước			Tổng cộng diện tích/bảng (m2)	Cao độ đáy bảng (m)	Phạm vi tham gia lựa chọn
					Dài (m)	Cao (m)	Số mặt			
65	7	DAQ07-1	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30
66	8	DAQ07-2	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30
67	9	DAQ07-3	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30
68	10	DAQ07-4	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30
69	11	DAQ07-5	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30
70	12	DAQ07-6	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30
71	13	DAQ07-7	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30
72	14	DAQ07-8	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30
73	15	DAQ07-9	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30
74	16	DAQ07-10	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30
75	17	DAQ07-11	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30
76	18	DAQ07-12	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30
77	19	DAQ08	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền chờ lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	24,00	2,80	1	67,20	+0,30
78	20	DAQ09	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền chờ lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	24,00	2,80	1	67,20	+0,30
79	21	DAQ10	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 1	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	2	32,00	+0,50
80	22	DAQ11	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 2	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	2	32,00	+0,50
81	23	DAQ12	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 3	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	2	32,00	+0,50
82	24	DAQ13	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 4	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	2	32,00	+0,50
83	25	DAQ14	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 5	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	2	32,00	+0,50
84	26	DAQ15	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 6	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	2	32,00	+0,50
85	27	DAQ16	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 7	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	2	32,00	+0,50
86	28	DAQ17	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 8	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	2	32,00	+0,50
87	29	DAQ18	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 9	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	2	32,00	+0,50
88	30	DAQ19	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 10	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	2	32,00	+0,50
89	31	DAQ33	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 1	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	1	16,00	+0,50
90	32	DAQ34	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 2	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	1	16,00	+0,50
91	33	DAQ35	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 3	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	1	16,00	+0,50
92	34	DAQ36	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 4	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	1	16,00	+0,50
93	35	DAQ37	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 5	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	1	16,00	+0,50
94	36	DAQ38	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 6	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	1	16,00	+0,50
95	37	DAQ39	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 7	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	1	16,00	+0,50
96	38	DAQ40	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 8	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	1	16,00	+0,50
97	39	DAQ41	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 9	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	1	16,00	+0,50
98	40	DAQ42	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 10	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	1	16,00	+0,50

STT		Mã vị trí	Thuyết minh vị trí	Hình thức quảng cáo	Số lượng (bảng)	Kích thước			Tổng diện tích/bảng (m2)	Cao độ đáy bảng (m)	Phạm vi tham gia lựa chọn
						Dài (m)	Cao (m)	Số mặt			
VI		Khu vực sảnh nhà ga quốc nội đến tầng 2, tầng 1			31				558,00		
99	1	DAP01	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	1 Gói
100	2	DAP02	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
101	3	DAP03	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
102	4	DAP04	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
103	5	DAP05	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
104	6	DAP06	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
105	7	DAP07	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
106	8	DAP08	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
107	9	DAP09	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
108	10	DAP10	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
109	11	DAP11	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
110	12	DAP12	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	1 Gói
111	13	DAP13	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
112	14	DAP14	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
113	15	DAP15	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
114	16	DAP16	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
115	17	DAP17	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
116	18	DAP18	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
117	19	DAP19	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
118	20	DAP20	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
119	21	DAP21	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
120	22	DAP22	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
121	23	DAP23	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	



STT	Mã vị trí	Thuyết minh vị trí	Hình thức quảng cáo	Số lượng (bảng)	Kích thước			diện tích/bảng (m2)	Cao độ đáy bảng (m)	Phạm vi tham gia lựa chọn	
					Dài (m)	Cao (m)	Số mặt				
122	24	DAP24	Khu vực sảnh ga đến tầng 1	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	1 Gói
123	25	DAP25	Khu vực sảnh ga đến tầng 1	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
124	26	DAP26	Khu vực sảnh ga đến tầng 1	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
125	27	DAP27	Khu vực sảnh ga đến tầng 1	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
126	28	DAP28	Khu vực sảnh ga đến tầng 1	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
127	29	DAP29	Khu vực sảnh ga đến tầng 1	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
128	30	DAP30	Khu vực sảnh ga đến tầng 1	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
129	31	DAP31	Khu vực sảnh ga đến tầng 1	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	
VII		Cầu ống dẫn khách			11				288,29		
130	1	DPB01	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	1 Gói
131	2	DPB02	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	
132	3	DPB03	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	
133	4	DPB04	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	
134	5	DPB05	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	
135	6	DPB06	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	
136	7	DPB07	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	
137	8	DPB08	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	
138	9	DPB09	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	
139	10	DPB10	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	
140	11	DPB11	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	
					140				4.353,22		

BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ 2
ĐƠN GIÁ TỐI THIỂU VỊ TRÍ MẶT BẰNG QUẢNG CÁO

STT	Mã vị trí	Thuyết minh vị trí	Hình thức quảng cáo	Số lượng (bảng)	Kích thước			Tổng cộng diện tích/bảng (m ²)	Cao độ đáy bảng (m)	Đơn giá tối thiểu (VND/m ² /tháng)	Phạm vi tham gia lựa chọn
					Dài (m)	Cao (m)	Số mặt				
I		Khu vực sân đậu ô tô		17				1.258,92			
1	1	DP01	Khu vực lối vào sân đậu ô tô	1	13,00	6,00	3	234,00	+13,00	1.300.000	
2	2	DP02	Khu vực lối vào sân đậu ô tô	1	13,00	6,00	2	156,00	+13,00	1.300.000	
3	3	DP03	Khu vực lối vào sân đậu ô tô	1	13,00	6,00	2	156,00	+13,00	1.300.000	
4	4	DP04	Khu vực lối vào sân đậu ô tô	1	13,00	6,00	2	156,00	+13,00	1.300.000	
5	5	DP05	Khu vực hình tròn giữa tiểu cảnh sân đậu ô tô	1	18,84	13,00	1	244,92	+10,00	1.300.000	
6	6	DP06	Khu vực bên trái sân đậu ô tô giáp vòng xuyên giao thông hình tròn	1	2,00	4,00	1	8,00	+1,00	4.050.000	1 Gói
7	7	DP07	Khu vực bên trái sân đậu ô tô giáp vòng xuyên giao thông hình tròn	1	2,00	4,00	1	8,00	+1,00	4.050.000	
8	8	DP08	Khu vực bên trái sân đậu ô tô giáp vòng xuyên giao thông hình tròn	1	2,00	4,00	1	8,00	+1,00	4.050.000	
9	9	DP09	Khu vực bên trái sân đậu ô tô giáp vòng xuyên giao thông hình tròn	1	2,00	4,00	1	8,00	+1,00	4.050.000	
10	10	DP10	Khu vực bên trái sân đậu ô tô giáp vòng xuyên giao thông hình tròn	1	2,00	4,00	1	8,00	+1,00	4.050.000	
11	11	DP11	Khu vực bên phải sân đậu ô tô giáp vòng xuyên giao thông hình tròn	1	2,00	4,00	1	8,00	+1,00	4.050.000	1 Gói
12	12	DP12	Khu vực bên phải sân đậu ô tô giáp vòng xuyên giao thông hình tròn	1	2,00	4,00	1	8,00	+1,00	4.050.000	
13	13	DP13	Khu vực bên phải sân đậu ô tô giáp vòng xuyên giao thông hình tròn	1	2,00	4,00	1	8,00	+1,00	4.050.000	
14	14	DP14	Khu vực bên phải sân đậu ô tô giáp vòng xuyên giao thông hình tròn	1	2,00	4,00	1	8,00	+1,00	4.050.000	
15	15	DP15-1	Lối ra, trên nóc trạm thu phí	1	20,00	4,00	1	80,00	+8,00	2.000.000	
16	16	DP15-2	Lối ra, trên nóc trạm thu phí	1	20,00	4,00	1	80,00	+8,00	2.000.000	
17	17	DP15-3	Lối ra, trên nóc trạm thu phí	1	20,00	4,00	1	80,00	+8,00	2.000.000	
II		Khu vực ga đi tầng 3, sảnh công cộng bên ngoài		20				85,41			
18	1	DDP01	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	4.000.000	1 Gói
19	2	DDP02	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	4.000.000	
20	3	DDP03	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	4.000.000	
21	4	DDP04	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	4.000.000	
22	5	DDP05	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	4.000.000	
23	6	DDP06	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	4.000.000	
24	7	DDP07	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	4.000.000	
25	8	DDP08	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	4.000.000	
26	9	DDP09	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	4.000.000	
27	10	DDP10	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	4.000.000	
28	11	DDP11	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	4.000.000	
29	12	DDP12	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	4.000.000	
30	13	DDP13	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	4.000.000	
31	14	DDP14	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	4.000.000	
32	15	DDP15	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	4.000.000	
33	16	DDP16	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	4.000.000	
34	17	DDP17	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	4.000.000	
35	18	DDP18	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	4.000.000	
36	19	DDP19	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	4.000.000	
37	20	DDP20	Khu vực sảnh công cộng bên ngoài ga đi	1	2,51	1,70	1	4,27	+0,50	4.000.000	

STT	Mã vị trí	Thuyết minh vị trí	Hình thức quảng cáo	Số lượng (bảng)	Kích thước			Tổng cộng diện tích/bảng (m2)	Cao độ đáy bảng (m)	Đơn giá tối thiểu (VND/m2/tháng)	Phạm vi tham gia lựa chọn
					Dài (m)	Cao (m)	Số mặt				
				10				624,00			
III		Khu vực ga đi tầng 3, sảnh làm thủ tục									
38	1	DDC10	Khu vực vách kính trước lối đi ANSC cho hành khách CIP	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	12,00	5,00	1	60,00	+6,00	6.000.000
39	2	DDC11	Khu vực vách kính trước lối đi ANSC cho hành khách phổ thông	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	24,00	5,00	1	120,00	+6,00	6.000.000
40	3	DDC12	Khu vực vách kính trước lối đi ANSC cho hành khách phổ thông	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	24,00	5,00	1	120,00	+6,00	6.000.000
41	4	DDC13	Trên nóc quầy làm thủ tục từ quầy 08 - quầy 26	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	14,00	3,00	1	42,00	+6,00	6.000.000
42	5	DDC14	Trên nóc quầy làm thủ tục từ quầy 27 - quầy 40	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	14,00	3,00	1	42,00	+6,00	6.000.000
43	6	DDC15	Trên nóc quầy làm thủ tục từ quầy 41 - quầy 56	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	14,00	3,00	1	42,00	+6,00	6.000.000
44	7	DDC16	Trên nóc quầy làm thủ tục từ quầy 57 - quầy 72	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	14,00	3,00	1	42,00	+6,00	6.000.000
45	8	DDC17	Trên nóc quầy làm thủ tục từ quầy 73 - quầy 87	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	14,00	3,00	1	42,00	+6,00	6.000.000
46	9	DDC18	Trên nóc quầy làm thủ tục từ quầy 88 - quầy 99	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	14,00	3,00	1	42,00	+6,00	6.000.000
47	10	DDC21	Khu vực vách kính cánh trái	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	12,00	6,00	1	72,00	+10,00	6.000.000
IV		Khu vực cách ly sau ANSC tầng 3			11				353,00		
48	1	DDQ01	Khu vực ramp dốc phòng chờ tầng 3	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	9,00	3,00	1	27,00	+1,50	6.000.000
49	2	DDQ02	Khu vực ramp dốc phòng chờ tầng 3	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	9,00	3,00	1	27,00	+1,50	6.000.000
50	3	DDQ03	Khu vực ramp dốc phòng chờ tầng 3	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	9,00	3,00	1	27,00	+1,50	6.000.000
51	4	DDQ04	Khu vực ramp dốc phòng chờ tầng 3	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	9,00	3,00	1	27,00	+1,50	6.000.000
52	5	DDQ05	Khu vực sau quầy boarding gate	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	3,50	1	35,00	+3,00	6.000.000
53	6	DDQ06	Khu vực sau quầy boarding gate	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	3,50	1	35,00	+3,00	6.000.000
54	7	DDQ07	Khu vực sau quầy boarding gate	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	3,50	1	35,00	+3,00	6.000.000
55	8	DDQ08	Khu vực sau quầy boarding gate	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	3,50	1	35,00	+3,00	6.000.000
56	9	DDQ09	Khu vực sau quầy boarding gate	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	3,50	1	35,00	+3,00	6.000.000
57	10	DDQ10	Khu vực sau quầy boarding gate	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	3,50	1	35,00	+3,00	6.000.000
58	11	DDQ11	Khu vực sau quầy boarding gate	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	3,50	1	35,00	+3,00	6.000.000
V		Khu vực cách ly ga đến, tầng 2			40				1.185,60		
59	1	DAQ01	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	2,80	1	28,00	+0,30	6.000.000
60	2	DAQ02	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	2,80	1	28,00	+0,30	6.000.000
61	3	DAQ03	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	2,80	1	28,00	+0,30	6.000.000
62	4	DAQ04	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	2,80	1	28,00	+0,30	6.000.000
63	5	DAQ05	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	2,80	1	28,00	+0,30	6.000.000
64	6	DAQ06	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	10,00	2,80	1	28,00	+0,30	6.000.000
65	7	DAQ07-1	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30	4.600.000
66	8	DAQ07-2	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30	4.600.000
67	9	DAQ07-3	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30	4.600.000
68	10	DAQ07-4	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30	4.600.000
69	11	DAQ07-5	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30	4.600.000
70	12	DAQ07-6	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30	4.600.000
71	13	DAQ07-7	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30	4.600.000
72	14	DAQ07-8	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30	4.600.000
73	15	DAQ07-9	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30	4.600.000
74	16	DAQ07-10	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30	4.600.000
75	17	DAQ07-11	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30	4.600.000
76	18	DAQ07-12	Khu vực cách ly ga đến, đường vào băng chuyền lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	12,00	2,80	1	33,60	+0,30	4.600.000

STT	Mã vị trí	Thuyết minh vị trí	Hình thức quảng cáo	Số lượng (bảng)	Kích thước			Tổng cộng diện tích/bảng (m ²)	Cao độ đáy bảng (m)	Đơn giá tối thiểu (VND/m ² /tháng)	Phạm vi tham gia lựa chọn
					Dài (m)	Cao (m)	Số mặt				
77	19	DAQ08	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền chờ lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	24,00	2,80	1	67,20	+0,30	4.600.000
78	20	DAQ09	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền chờ lấy hành lý	Hộp đèn Led	1	24,00	2,80	1	67,20	+0,30	4.600.000
79	21	DAQ10	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 1	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	2	32,00	+0,50	6.000.000
80	22	DAQ11	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 2	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	2	32,00	+0,50	6.000.000
81	23	DAQ12	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 3	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	2	32,00	+0,50	6.000.000
82	24	DAQ13	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 4	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	2	32,00	+0,50	6.000.000
83	25	DAQ14	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 5	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	2	32,00	+0,50	6.000.000
84	26	DAQ15	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 6	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	2	32,00	+0,50	6.000.000
85	27	DAQ16	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 7	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	2	32,00	+0,50	6.000.000
86	28	DAQ17	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 8	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	2	32,00	+0,50	6.000.000
87	29	DAQ18	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 9	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	2	32,00	+0,50	6.000.000
88	30	DAQ19	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 10	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	2	32,00	+0,50	6.000.000
89	31	DAQ33	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 1	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	1	16,00	+0,50	6.000.000
90	32	DAQ34	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 2	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	1	16,00	+0,50	6.000.000
91	33	DAQ35	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 3	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	1	16,00	+0,50	6.000.000
92	34	DAQ36	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 4	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	1	16,00	+0,50	6.000.000
93	35	DAQ37	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 5	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	1	16,00	+0,50	6.000.000
94	36	DAQ38	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 6	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	1	16,00	+0,50	6.000.000
95	37	DAQ39	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 7	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	1	16,00	+0,50	6.000.000
96	38	DAQ40	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 8	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	1	16,00	+0,50	6.000.000
97	39	DAQ41	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 9	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	1	16,00	+0,50	6.000.000
98	40	DAQ42	Khu vực cách ly ga đến, băng chuyền số 10	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	8,00	2,00	1	16,00	+0,50	6.000.000
VI		Khu vực sảnh nhà ga quốc nội đến tầng 2, tầng 1		31				558,00			
99	1	DAP01	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000
100	2	DAP02	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000
101	3	DAP03	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000
102	4	DAP04	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000
103	5	DAP05	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000
104	6	DAP06	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000
105	7	DAP07	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000
106	8	DAP08	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000
107	9	DAP09	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000
108	10	DAP10	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000
109	11	DAP11	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000
110	12	DAP12	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000
111	13	DAP13	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000
112	14	DAP14	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000
113	15	DAP15	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000
114	16	DAP16	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000
115	17	DAP17	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000
116	18	DAP18	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000
117	19	DAP19	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000

STT	Mã vị trí	Thuyết minh vị trí	Hình thức quảng cáo	Số lượng (hàng)	Kích thước			Tổng cộng diện tích/bảng (m2)	Cao độ đáy bảng (m)	Đơn giá tối thiểu (VNĐ/m2/tháng)	Phạm vi tham gia lựa chọn	
					Dài (m)	Cao (m)	Số mặt					
118	20	DAP20	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000	1 Gói
119	21	DAP21	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000	
120	22	DAP22	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000	
121	23	DAP23	Khu vực sảnh ga đến tầng 2	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000	
122	24	DAP24	Khu vực sảnh ga đến tầng 1	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000	
123	25	DAP25	Khu vực sảnh ga đến tầng 1	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000	
124	26	DAP26	Khu vực sảnh ga đến tầng 1	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000	
125	27	DAP27	Khu vực sảnh ga đến tầng 1	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000	
126	28	DAP28	Khu vực sảnh ga đến tầng 1	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000	
127	29	DAP29	Khu vực sảnh ga đến tầng 1	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000	
128	30	DAP30	Khu vực sảnh ga đến tầng 1	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000	1 Gói
129	31	DAP31	Khu vực sảnh ga đến tầng 1	Màn hình Led ốp cột	1	1,50	3,00	4	18,00	+1,50	3.000.000	
VII		Cầu ống dẫn khách		11				288,29				
130	1	DPB01	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	600.000	
131	2	DPB02	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	600.000	
132	3	DPB03	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	600.000	
133	4	DPB04	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	600.000	
134	5	DPB05	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	600.000	
135	6	DPB06	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	600.000	
136	7	DPB07	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	600.000	
137	8	DPB08	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	600.000	1 Gói
138	9	DPB09	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	600.000	
139	10	DPB10	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	600.000	
140	11	DPB11	Trong các cầu ống dẫn khách	Decal dán vào vách	1	1,17	1,40	16	26,21	+1,00	600.000	
			Tổng diện tích	140			-	4.353,22				